

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khoá thi: 04/06/2025

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
1	020001	1	ĐOÀN HOÀNG ANH	Nam	03/06/2010			40	8.9	Toán	Trần Quang Diệu				7.00	6.50	8.50	1.25
2	020002	1	LÊ HUỖNH LAN	Nữ	06/01/2010			40	9.5	Toán	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.75	8.75	8.50	6.50
3	020003	1	LÊ MINH ANH	Nữ	21/12/2010			40	9.9	Toán	Nguyễn Du				7.00	10.00	9.50	3.50
4	020004	1	LÂM THANH BÀNG	Nam	14/05/2010			40	9.7	Toán	Mỹ Thọ				7.00	8.50	8.75	4.25
5	020005	1	NGUYỄN THÀNH CÔNG	Nam	06/05/2010			40	9.9	Toán	An Lương				7.00	8.75	8.75	5.00
6	020006	1	PHAN THỊ THẢO DÂN	Nữ	01/09/2010			40	8.9	Toán	Nguyễn Du				7.00	8.75	8.25	5.75
7	020007	1	LŨ THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	17/06/2010			40	9.5	Toán	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.50	8.75	8.25	1.25
8	020008	1	TÔ GIA ĐẠI	Nam	06/12/2010			40	9.5	Toán	Phan Bội Châu	Tăng Bạt Hổ			7.50	8.75	9.50	5.75
9	020009	1	TẠ THANH ĐÔNG	Nam	31/08/2010			50	9.9	Toán	Mỹ Thọ				8.00	10.00	9.50	6.25
10	020010	1	LÊ TRẦN NGỌC HÂN	Nữ	15/09/2010			40	9.8	Toán	Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.75	8.75	8.75	4.25
11	020011	1	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	03/12/2010			40	9.6	Toán	Trần Quang Diệu				7.25	7.50	6.75	2.50
12	020012	1	NGUYỄN THỊ THANH HỒNG	Nữ	30/07/2010			70	9.9	Toán	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.75	10.00	8.50	6.50
13	020013	1	NGUYỄN PHÚC HUY	Nam	12/01/2010			70	9.8	Toán	Số 2 Phú Mỹ	Bình Dương			7.50	10.00	8.50	8.75
14	020014	1	TẠ TUẤN HUY	Nam	19/12/2010			40	9.4	Toán	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	9.25	7.50	5.25
15	020015	1	ĐẶNG GIA HUNG	Nam	13/06/2010			70	9.8	Toán	Số 1 Phú Mỹ	Nguyễn Trung Trực			7.50	10.00	8.75	7.00
16	020016	1	NGUYỄN DIỆU HƯƠNG	Nữ	30/01/2010			40	9.5	Toán	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.50	8.75	9.00	6.00
17	020017	1	NGUYỄN TUẤN KHA	Nam	29/09/2010			40	9.2	Toán	Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.00	8.75	6.25	5.00
18	020018	1	LŨ QUỐC KHẢI	Nam	31/10/2010			60	9.7	Toán	Nguyễn Trần	Tam Quan			8.00	10.00	9.75	7.75
19	020019	1	NGUYỄN HUỖNH ANH KHOA	Nam	04/09/2010			40	9.6	Toán	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.75	9.25	8.75	6.50
20	020020	1	NGUYỄN TUẤN KIẾT	Nam	25/01/2010			40	9.3	Toán	Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.50	8.25	7.50	5.25
21	020021	1	NGUYỄN LÊ NHẬT LÂM	Nam	07/01/2010			80	9.6	Toán	Số 2 Phú Mỹ	Bình Dương			7.25	10.00	9.00	9.25
22	020022	1	DƯƠNG VÕ TUYẾT LINH	Nữ	01/01/2010			40	9.3	Toán	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			5.25	8.50	7.75	1.00
23	020023	1	LÊ THỊ KIM NGÂN	Nữ	10/04/2010			40	9.5	Toán	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.50	8.25	7.00	2.00
24	020024	1	NGUYỄN THÀNH NGHIỆP	Nam	08/11/2010			35	9.8	Toán	Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.50	9.75	8.50	6.50
25	020025	2	LÊ QUANG NGHĨA	Nam	25/11/2010			40	9.7	Toán	Mỹ Thọ				7.50	10.00	9.00	6.75
26	020026	2	PHẠM THẢO NGUYỄN	Nữ	26/03/2010			50	9.9	Toán	Nguyễn Trần	Tam Quan			9.00	10.00	9.00	7.75
27	020027	2	VÕ HẠNH NHUNG	Nữ	14/12/2010			40	9.6	Toán	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	8.00	9.25	1.50
28	020028	2	NGUYỄN HOÀI NHƯ	Nữ	07/07/2010			40	9.5	Toán	Số 2 Phú Mỹ	Bình Dương			9.25	8.00	8.00	0.75
29	020029	2	CAO NGUYỄN TÂM NHƯ	Nữ	29/08/2010			50	9.9	Toán	Vô Giử				8.75	9.50	9.75	8.00
30	020030	2	NGUYỄN NGỌC PHÚC	Nam	24/09/2010			40	8.9	Toán	Nguyễn Du				6.00	7.75	8.00	2.25
31	020031	2	LÊ HOÀNG QUÂN	Nam	09/04/2010			35	9.3	Toán	Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.75	8.25	8.75	6.25
32	020032	2	HUỖNH NHẬT MINH THỊNH	Nam	30/01/2010			40	9.8	Toán	Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			9.00	9.25	8.25	5.25

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
33	020033	2	DƯƠNG MINH THÙY	Nữ	07/12/2010			40	9.7	Toán	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			9.00	9.50	9.00	7.50
34	020034	2	HỒ ANH THƯ	Nữ	12/12/2010			40	9.2	Toán	Nguyễn Du				6.75	8.00	9.25	6.00
35	020035	2	PHẠM THANH TIẾN	Nam	16/08/2010			40	9.4	Toán	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.50	8.25	7.75	2.00
36	020036	2	NGUYỄN HỒ BẢO TRÂM	Nữ	04/02/2010			35	9.2	Toán	Võ Giữ				6.75	9.50	6.00	4.00
37	020037	2	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	14/02/2010			40	9.7	Toán	Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.50	8.50	5.75	5.00
38	020038	2	VÔ NGUYỄN TẤN VIỆT	Nam	31/10/2010			40	10.0	Toán	An Lương				7.50	9.75	9.75	5.75
39	020039	2	LÊ PHƯƠNG VY	Nữ	12/11/2010			40	9.8	Toán	Số 2 Phù Mỹ	Bình Dương			7.50	9.75	9.00	6.00
40	020040	3	ĐỖ LÊ TRỌNG ÂU	Nam	08/01/2010			40	9.3	Vật lí	Nguyễn Du				6.25	7.25	8.75	8.25
41	020041	3	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	Nam	05/01/2010			25	9.1	Vật lí	Số 1 Phù Mỹ	Nguyễn Trung Trực			5.50	8.25	7.25	8.50
42	020042	3	ĐỖ BÁ DUY	Nam	06/02/2010			40	8.9	Vật lí	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.00	7.75	8.00	7.50
43	020043	3	BA NHẬT DUY	Nam	25/05/2010			40	8.6	Vật lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	8.00	7.75	6.50
44	020044	3	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	07/06/2010			40	9.6	Vật lí	Lý Tư trọng				6.25	9.75	7.75	8.50
45	020045	3	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	Nam	07/03/2010			35	8.3	Vật lí	Nguyễn Du				4.50	7.50	8.25	7.25
46	020046	3	NGUYỄN THÁI HIỀN	Nam	07/01/2010			50	9.5	Vật lí	Nguyễn Du				7.00	8.25	8.50	8.75
47	020047	3	TRẦN CHÂU ĐỨC HIẾU	Nam	22/10/2010			40	9.2	Vật lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			5.25	8.00	5.25	8.50
48	020048	3	TRẦN ĐOÀN QUANG HUY	Nam	02/12/2009			35	8.9	Vật lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.00	8.00	5.50	8.75
49	020049	3	HUỲNH NHẬT HUY	Nam	21/06/2010			40	9.3	Vật lí	Nguyễn Du				6.25	8.50	9.00	5.25
50	020050	3	ĐỖ VÕ NHẬT HUY	Nam	13/11/2010			60	9.3	Vật lí	Nguyễn Trần	Tam Quan			8.25	10.00	8.50	9.50
51	020051	3	NGUYỄN DƯƠNG KHANG	Nam	04/01/2010			55	9.1	Vật lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	8.50	7.50	7.75
52	020052	3	VÕ TRÚC LY	Nữ	30/11/2010			40	9.5	Vật lí	Số 1 Phù Mỹ	Nguyễn Trung Trực			7.75	8.50	8.75	8.75
53	020053	3	PHAN HÀ MY	Nữ	26/04/2010			40	9.3	Vật lí	Nguyễn Du				4.25	7.75	8.00	8.00
54	020054	3	TRẦN KHÔI NGUYỄN	Nam	27/09/2009			35	8.6	Vật lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			5.25	7.75	9.25	9.00
55	020055	3	ĐÀO DUY NGUYỄN	Nam	20/01/2010			40	8.9	Vật lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			5.75	6.75	9.00	8.00
56	020056	3	HỒ TÂM NHƯ	Nữ	23/02/2010			50	9.8	Vật lí	Số 2 Phù Mỹ	Bình Dương			7.75	9.50	8.50	9.25
57	020057	3	BÙI THỊ HỒNG PHÚC	Nữ	31/08/2010			60	9.8	Vật lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.25	8.50	9.25	9.50
58	020058	4	TRẦN MINH QUÂN	Nam	17/01/2010			35	9.0	Vật lí	Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.75	8.75	7.75	8.50
59	020059	4	LÊ ANH SƠN	Nam	24/05/2010			60	9.3	Vật lí	Số 1 Phù Mỹ	Nguyễn Trung Trực			8.75	8.25	7.00	9.50
60	020060	4	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	Nam	13/03/2010			70	9.7	Vật lí	Mỹ Thọ				7.50	9.25	9.25	9.50
61	020061	4	NGUYỄN NGUYỄN TÂN	Nam	22/02/2010			45	9.4	Vật lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	9.00	9.25	9.00
62	020062	4	HUỲNH XUÂN THÀNH	Nam	31/01/2010			60	9.7	Vật lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.50	8.75	9.75	9.00
63	020063	4	LÊ ÁI THI	Nữ	05/01/2010			40	9.2	Vật lí					6.75	6.75	6.75	5.00
64	020064	4	NGUYỄN SONG NHẬT THIÊN	Nam	30/08/2010			35	9.1	Vật lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			5.00	5.75	7.00	9.25
65	020065	4	PHAN THỊ HOÀI THU	Nữ	20/01/2010			40	9.7	Vật lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.00	8.25	7.50	8.25
66	020066	4	PHẠM BẢO TRÂM	Nữ	21/05/2010			40	9.4	Vật lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.50	8.25	8.00	8.75
67	020067	4	PHÙNG CHÍ TRỌNG	Nam	16/09/2010			80	9.7	Vật lí	Nguyễn Trần	Tam Quan			8.25	8.75	8.25	9.50

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
68	020068	4	CHÂU NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	02/02/2010			40	9.6	Vật lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.00	9.25	7.75	9.00
69	020069	4	NGUYỄN CHÍ VĂN	Nam	15/09/2010			35	9.3	Vật lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.00	7.75	7.75	9.25
70	020070	4	NGUYỄN VĂN VIỆT	Nam	13/05/2010			45	9.6	Vật lí	Nguyễn Du				5.75	8.25	7.75	7.00
71	020071	4	LÊ TRẦN VĨ	Nam	01/03/2010			70	9.8	Vật lí	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.75	9.00	8.25	9.00
72	020072	4	TRẦN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	17/06/2010			40	9.3	Vật lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.25	8.00	8.75	6.75
73	020073	5	HUỲNH QUỐC BẢO	Nam	20/08/2010			35	9.3	Hoá	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.75	8.00	6.50	5.00
74	020074	5	VÕ TRẦN THỊ THÚY DIỄM	Nữ	14/04/2010			40	9.4	Hoá	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.50	8.00	8.00	7.00
75	020075	5	NGUYỄN CHÍ ĐẠT	Nam	03/03/2010			40	9.8	Hoá	Lý Tự Trọng				6.75	8.50	8.50	9.00
76	020076	5	NGUYỄN HÀ QUỐC ĐẠT	Nam	26/04/2010			50	9.9	Hoá	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.75	9.25	8.00	7.50
77	020077	5	BÙI VÕ TRỌNG HOÀI	Nam	21/05/2010			40	9.5	Hoá	Trần Quang Diệu				6.75	9.00	8.00	6.50
78	020078	5	NGUYỄN GIA HÙNG	Nam	04/01/2010			40	9.3	Hoá	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.50	8.00	9.50	6.00
79	020079	5	LÊ ĐĂNG KHOA	Nam	02/11/2010			40	9.6	Hoá	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			3.50	7.25	8.50	6.50
80	020080	5	NGUYỄN NHÃ LAM	Nữ	21/09/2010			40	9.8	Hoá	Nguyễn Du				7.50	8.50	7.75	7.75
81	020081	5	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	Nữ	28/06/2010			40	9.7	Hoá					7.25	6.50	8.50	5.25
82	020082	5	TRẦN BẢO NAM	Nam	15/08/2010			40	9.6	Hoá	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.75	8.50	9.50	7.25
83	020083	5	NGUYỄN ĐẮC NGUYỄN	Nam	04/12/2010			50	9.7	Hoá	Nguyễn Trần	Tam Quan			8.25	8.50	9.25	8.25
84	020084	5	TRƯỜNG NGUYỄN NHẬT PHONG	Nam	13/01/2010			40	9.2	Hoá	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			4.00	7.75	8.00	5.50
85	020085	5	ĐẶNG THANH PHONG	Nam	25/07/2010			40	9.7	Hoá	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			5.50	6.75	8.50	7.25
86	020086	5	NGUYỄN ANH QUÂN	Nam	18/08/2010			40	9.7	Hoá	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.75	8.75	8.25	8.75
87	020087	5	PHAN QUANG SÁNG	Nam	25/07/2010			40	9.0	Hoá	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.00	7.25	8.00	6.75
88	020088	5	NGUYỄN TẤN THẠCH	Nam	13/04/2010			70	9.7	Hoá	Số 1 Phù Mỹ				7.50	8.50	8.25	9.00
89	020089	5	ĐẶNG NGỌC TIẾN	Nam	12/03/2010			35	9.4	Hoá	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			5.75	6.50	7.25	8.00
90	020090	5	NGUYỄN DUY TÍN	Nam	03/11/2010			40	9.2	Hoá	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.00	7.75	6.75	7.25
91	020091	5	NGUYỄN BÁ TRỰC	Nam	18/06/2010			50	9.6	Hoá	An Lương				8.50	7.50	9.50	8.50
92	020092	5	PHẠM NGUYỄN KIỀU VY	Nữ	04/11/2010			40	9.7	Hoá	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.25	7.75	9.00	8.00
93	020093	6	TRẦN NGUYỄN MỸ ANH	Nữ	18/12/2010			40	9.5	Sinh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.50	8.00	8.25	8.25
94	020094	6	TRẦN NGỌC BÌNH	Nam	26/01/2010			40	9.2	Sinh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.00	7.00	8.50	5.00
95	020095	6	LÊ NGUYỄN CHUÔNG	Nam	16/02/2010			40	9.6	Sinh	Nguyễn Du				8.25	7.50	9.50	8.25
96	020096	6	PHÙNG TRẦN QUỐC ĐẠI	Nam	23/08/2010			50		Sinh	Lý Tự Trọng				7.25	8.50	8.75	8.25
97	020097	6	PHAN THANH ĐẠT	Nữ	24/11/2010			40	9.8	Sinh	Nguyễn Du				7.50	9.00	8.25	9.00
98	020098	6	TRẦN LÊ THÁI HÂN	Nữ	23/12/2010			40	9.6	Sinh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	8.00	8.50	6.00
99	020099	6	NGUYỄN THÁI PHƯƠNG HIỀN	Nữ	15/11/2010			50	9.4	Sinh	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.75	7.25	8.50	3.50
100	020100	6	VÕ THỊ MỸ HIỀN	Nữ	25/02/2010			40	8.9	Sinh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.00	6.75	8.75	6.50
101	020101	6	TRẦN ĐỨC HUY	Nam	09/10/2010			40	9.4	Sinh	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.25	9.75	9.50	7.50
102	020102	6	NGUYỄN ANH KHOA	Nam	26/04/2010			40	8.8	Sinh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	6.50	6.50	5.00

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th. tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
									ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
103	020103	6	ĐẶNG MINH	KHUÊ	Nữ	09/09/2010			40	9.6	Sinh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.25	5.50	7.00	6.00
104	020104	6	TRỊNH THỊ TĂNG	LINH	Nữ	09/12/2010			40	8.8	Sinh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	8.25	8.25	7.50
105	020105	6	BÙI ĐỖ PHƯƠNG	LY	Nữ	05/01/2010			60	9.6	Sinh	Số 1 Phú Mỹ	Nguyễn Trung Trực			8.25	9.00	7.75	7.75
106	020106	6	NGUYỄN KIỀU MỸ	NGỌC	Nữ	23/09/2010			40	8.6	Sinh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.50	7.00	7.75	6.25
107	020107	7	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHI	Nữ	03/03/2010			40	9.4	Sinh	Nguyễn Du				7.50	8.00	6.50	7.75
108	020108	7	NGUYỄN LÊ KIM	NHUNG	Nữ	02/02/2010			60	9.4	Sinh	An Lương				8.25	8.50	9.50	9.00
109	020109	7	HUYỀNH MAI	PHƯƠNG	Nữ	22/05/2010			40	9.2	Sinh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.25	7.75	7.75	7.25
110	020110	7	LÊ HOÀNG	QUANG	Nam	08/06/2010			40	9.8	Sinh	Nguyễn Du				4.75	8.00	7.75	7.75
111	020111	7	HUYỀNH NHẬT	QUỲNH	Nữ	23/10/2010			40	9.4	Sinh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	7.75	7.75	8.00
112	020112	7	LÊ MINH	SON	Nam	29/07/2010			25	9.5	Sinh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.50	5.00	7.00	5.25
113	020113	7	DƯƠNG NGUYỄN MINH	THI	Nữ	30/07/2010			40	8.8	Sinh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	6.75	9.25	5.75
114	020114	7	HUYỀNH NGUYỄN KIM	THOA	Nữ	11/02/2010			40	9.4	Sinh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			5.50	7.50	8.00	7.00
115	020115	7	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	Nữ	03/12/2010			40	9.5	Sinh	Nguyễn Du				7.25	8.50	8.00	7.75
116	020116	7	PHAN THU	TRANG	Nữ	29/04/2010			50	9.4	Sinh	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.25	7.25	7.50	9.50
117	020117	7	HUYỀNH THANH	TÙNG	Nam	20/02/2010			40	9.6	Sinh	Nguyễn Trần	Tam Quan			8.00	9.75	6.25	9.00
118	020118	7	HUYỀNH QUỐC	VIỆT	Nam	28/08/2010			60	9.5	Sinh	Nguyễn Du				6.75	7.00	6.25	8.75
119	020119	8	LÊ ĐỨC QUỐC	AN	Nam	26/09/2010			40	9.0	Tin	Nguyễn Du				5.25	8.50	5.50	5.00
120	020120	8	MAI LÊ GIA	BẢO	Nam	03/09/2010			45	9.2	Tin	Nguyễn Trần	Tam Quan			6.25	7.75	6.50	5.50
121	020121	8	TRẦN TRUNG	CHÍNH	Nam	28/01/2010			70	9.3	Tin	Nguyễn Trần	Tam Quan			6.25	8.25	9.25	6.25
122	020122	8	TRẦN MẠNH	CUÔNG	Nam	19/09/2010			40	9.0	Tin	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.00	6.50	6.75	6.25
123	020123	8	NGUYỄN TẤN	DŨNG	Nam	19/05/2010			40	9.2	Tin	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.50	8.25	8.25	6.75
124	020124	8	ĐỖ THÀNH	ĐẠT	Nam	27/09/2010			40	9.0	Tin	Nguyễn Du				6.00	8.75	8.00	6.75
125	020125	8	LÊ ĐÌNH	HÀ	Nữ	11/08/2010			40	9.4	Tin	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.00	7.25	7.25	5.75
126	020126	8	NGUYỄN LÝ GIA	HÂN	Nữ	28/09/2010			50	9.7	Tin	Nguyễn Trần	Tam Quan			8.75	7.75	8.25	5.25
127	020127	8	BÙI XUÂN GIA	HÂN	Nữ	13/01/2010			40	9.3	Tin	Vô Giữ				7.25	7.25	9.25	5.00
128	020128	8	NGUYỄN THANH	HẬU	Nam	23/04/2010			35	7.9	Tin	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	7.00	7.00	4.00
129	020129	8	ĐẶNG QUỐC	HUY	Nam	03/03/2010			40	9.4	Tin	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.75	7.50	8.25	6.75
130	020130	8	NGUYỄN NGUYỄN	HUNG	Nam	25/01/2010			40	9.5	Tin	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	8.25	6.00	6.75
131	020131	8	TRẦN SƠN	KHÁNH	Nam	02/09/2010			40	9.7	Tin	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.00	9.00	9.50	8.00
132	020132	8	VÕ ANH	NGUYỄN	Nam	08/04/2010			40	9.0	Tin	Nguyễn Trần	Tam Quan			6.50	8.75	7.25	5.00
133	020133	9	NGUYỄN LÊ THÀNH	NHÂN	Nam	06/09/2010			10	8.0	Tin	Nguyễn Trần	Tam Quan			6.25	7.25	8.00	5.00
134	020134	9	NGUYỄN MINH	NHẬT	Nam	25/01/2010			45	8.8	Tin	Số 1 Phú Mỹ	Nguyễn Trung Trực			5.75	8.00	7.25	2.00
135	020135	9	NGUYỄN THÀNH	PHÁT	Nam	06/01/2010			50	9.7	Tin	Số 2 Phú Mỹ	Bình Dương			7.50	8.25	7.00	6.50
136	020136	9	TRẦN THỊ HỒNG	PHÚC	Nữ	16/08/2010			40	9.5	Tin	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	7.75	8.00	6.50
137	020137	9	TRƯƠNG VĂN	PHÚC	Nam	08/07/2010			40	8.8	Tin	Nguyễn Trần	Tam Quan			8.25	8.00	5.75	6.50

DỤC 3 TÁC

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
138	020138	9	TRẦN ĐÌNH QUÂN	Nam	04/01/2010			40	9.6	Tin	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	9.00	9.00	6.75
139	020139	9	HUỖNH ĐOÀN ANH QUÂN	Nam	22/01/2010			40	9.0	Tin					6.00	5.25	6.25	4.00
140	020140	9	BÙI DUY THẮNG	Nam	27/01/2010			25	7.3	Tin	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	6.75	7.00	5.00
141	020141	9	VÕ THÙY TRÂM	Nữ	07/05/2010			45	8.7	Tin	Nguyễn Trần	Tam Quan			8.25	7.75	8.00	6.00
142	020142	9	VÕ THÀNH GIA TÚ	Nam	12/06/2010			60	9.4	Tin	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	9.75	9.00	7.00
143	020143	9	HUỖNH ANH VI	Nam	23/10/2010			40	9.2	Tin	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.75	8.75	7.50	5.50
144	020144	9	VÕ ĐOÀN THẾ VINH	Nam	23/03/2010			40	8.4	Tin	Vô Giữ				6.75	8.25	6.25	5.25
145	020145	9	NGUYỄN VĂN VŨ	Nam	28/02/2010			40	8.7	Tin	Vô Giữ				6.50	7.50	6.75	5.25
146	020146	10	PHAN LÊ PHƯƠNG ANH	Nữ	06/03/2010			40	9.1	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.25	7.50	8.25	5.75
147	020147	10	BÙI NGỌC MINH ANH	Nữ	03/04/2010			40	9.6	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.50	6.00	8.50	7.00
148	020148	10	LÊ NGUYỄN LAN ANH	Nữ	25/01/2010			40	9.4	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.00	8.00	5.50	4.50
149	020149	10	TRẦN LÊ BẢO CHÂU	Nữ	22/01/2010			25	9.3	Văn	Vô Giữ				7.75	8.25	8.50	5.50
150	020150	10	NGUYỄN THÚY DIỄM	Nữ	30/01/2010			70	8.7	Văn	Nguyễn Du				8.25	7.50	8.50	6.50
151	020151	10	CHÂU KIỀU DUYÊN	Nữ	25/09/2010			40	9.0	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.75	6.75	8.25	6.50
152	020152	10	NGUYỄN PHƯƠNG THÙY DƯƠNG	Nữ	04/03/2010			40	8.7	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.75	7.25	8.00	5.50
153	020153	10	TRẦN QUỐC ĐẠT	Nam	07/07/2010			60	9.0	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.00	6.50	7.50	7.00
154	020154	10	HOÀNG HƯỜNG GIANG	Nữ	19/09/2010			40	8.2	Văn	An Lương				8.00	6.50	8.50	6.50
155	020155	10	ĐẶNG THỊ KIỀU GIANG	Nữ	26/10/2010			40	9.2	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.25	4.75	6.75	5.50
156	020156	10	LÊ GIA HÂN	Nữ	24/09/2010			40	8.3	Văn	Vô Giữ				8.00	7.25	7.75	6.00
157	020157	10	PHẠM GIA HÂN	Nữ	29/08/2010			40	8.8	Văn	Nguyễn Du				7.75	7.50	8.00	8.00
158	020158	10	NGUYỄN LÊ NGỌC HÂN	Nữ	23/06/2009			40	8.7	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	6.00	6.50	6.50
159	020159	10	TRẦN THỊ HIẾU	Nữ	11/10/2010			60	9.4	Văn	Số 2 Phú Mỹ	Bình Dương			8.50	7.00	6.50	7.25
160	020160	10	LÊ VIỆT HUNG	Nam	17/11/2010			45	8.4	Văn	Nguyễn Du				6.00	5.25	7.00	3.50
161	020161	10	LÊ THỊ THU LAN	Nữ	24/05/2010			40	9.1	Văn	Nguyễn Trần	Tam Quan			8.50	7.00	8.25	7.00
162	020162	10	HUỖNH NGUYỄN MAI LY	Nữ	09/08/2010			40	9.1	Văn	Nguyễn Trần	Tam Quan			8.75	8.00	9.00	7.00
163	020163	10	NGUYỄN LÊ THẢO MY	Nữ	02/10/2010			40	9.0	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.50	7.00	6.75	6.00
164	020164	10	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	23/12/2010			55	9.0	Văn	Lý Tự Trọng				8.00	7.25	7.00	4.00
165	020165	10	NGUYỄN KHÁNH NGÂN	Nữ	23/11/2010			40	8.9	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.50	4.50	6.00	5.50
166	020166	10	ĐỖ THỊ KIM NGÂN	Nữ	14/07/2010			40	9.1	Văn	Nguyễn Du				7.75	6.75	7.25	5.50
167	020167	10	NGUYỄN TRẦN KIM NGÂN	Nữ	17/07/2010			35	8.7	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.25	7.25	8.75	6.50
168	020168	10	CHÂU BẢO NGỌC	Nữ	04/02/2010			40	8.7	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	6.25	8.00	5.00
169	020169	10	ĐẶNG BẢO NGỌC	Nữ	15/05/2010			40	8.8	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.00	7.25	9.25	5.00
170	020170	11	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	30/06/2010			35	9.0	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.75	5.75	6.75	5.75
171	020171	11	LÝ VIỄN THẢO NGUYỄN	Nữ	06/06/2010			40	9.2	Văn	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.50	6.75	7.50	6.75
172	020172	11	NGUYỄN HUỖNH THỊ NHÀN	Nữ	29/07/2010			40	9.5	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.00	8.50	8.50	6.50

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
173	020173	11	LÝ THỊ THANH	NHÃ	Nữ	16/01/2010		40	9.6	Văn	Số 1 Phù Mỹ	Nguyễn Trung Trực			9.00	8.25	9.00	6.75
174	020174	11	TRẦN QUANG	NHẬT	Nam	02/01/2010		40	9.1	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.25	7.50	9.00	6.00
175	020175	11	PHAN BẢO	NHI	Nữ	24/05/2010		40	9.4	Văn	Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.00	7.25	7.50	6.00
176	020176	11	PHẠM THỊ YẾN	NHI	Nữ	30/04/2010		40	9.2	Văn	Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.00	8.00	8.25	6.00
177	020177	11	PHẠM TƯỜNG	NHI	Nữ	30/08/2010		50	8.8	Văn	Nguyễn Du				8.25	8.50	9.00	7.00
178	020178	11	HUỲNH NHÃ	NY	Nữ	02/04/2010		40	9.1	Văn	Nguyễn Du				7.50	8.00	7.25	6.50
179	020179	11	HUỲNH THỊ KIM	OANH	Nữ	07/09/2010		40	9.0	Văn	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.50	7.25	7.75	5.50
180	020180	11	BÙI HUỲNH BẢO	QUYÊN	Nữ	03/09/2010		40	9.5	Văn	Số 2 Phù Mỹ	Bình Dương			8.00	8.25	8.25	8.00
181	020181	11	THÁI NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	Nữ	24/09/2010		40	8.4	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	6.75	7.25	5.50
182	020182	11	ĐẶNG VÕ NHƯ	QUỲNH	Nữ	17/02/2010		40	9.2	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.25	7.25	9.50	6.00
183	020183	11	PHAN NGUYỄN THU	THẢO	Nữ	02/11/2010		40	8.7	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	6.25	6.50	4.75
184	020184	11	PHẠM THANH	THẢO	Nữ	24/11/2010		40	9.1	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.75	7.75	7.25	5.75
185	020185	11	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	29/10/2010		40	9.1	Văn	Trần Quang Diệu				8.50	7.75	8.25	5.25
186	020186	11	NGÔ TRẦN PHƯƠNG	THÙY	Nữ	09/05/2010		40	9.2	Văn	Nguyễn Du				7.50	7.25	8.25	5.75
187	020187	11	NGUYỄN XUÂN HIỀN	THỰC	Nữ	20/07/2010		40	9.0	Văn	Tăng Bạt Hổ				7.25	7.50	8.50	7.00
188	020188	11	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	THY	Nữ	10/11/2010		40	8.8	Văn	Nguyễn Trần	Tam Quan			6.75	7.25	6.25	6.25
189	020189	11	LÊ NGUYỄN THANH	TRÂM	Nữ	06/03/2010		40	8.7	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.50	7.25	6.75	5.00
190	020190	11	TRẦN NGUYỄN BẢO	TRÂN	Nữ	13/04/2010		50	9.0	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.50	8.25	9.25	6.00
191	020191	11	TRẦN NGUYỄN HUYỀN	TRÂN	Nữ	20/09/2010		40	8.6	Văn	Nguyễn Trần	Tam Quan			6.25	7.75	8.75	5.50
192	020192	11	TẠ DIỆU	TRINH	Nữ	12/09/2010		40	8.6	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.50	5.50	7.25	5.50
193	020193	11	LÊ HỒ TUYẾT	TRINH	Nữ	13/07/2010		40	8.6	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.75	7.25	6.75	5.50
194	020194	12	TRẦN QUANG	TRƯỜNG	Nam	08/03/2010		40	9.2	Văn	Nguyễn Du				6.75	8.00	8.75	5.50
195	020195	12	CAO LÊ THANH	TUYỀN	Nữ	12/12/2010		40	8.8	Văn	Nguyễn Trần	Tam Quan			8.25	6.75	6.00	7.00
196	020196	12	TRẦN MAI	TUYỀN	Nữ	29/01/2010		40	8.3	Văn	Nguyễn Du				6.25	6.50	7.25	4.50
197	020197	12	NGUYỄN KIM	TUYẾN	Nữ	10/06/2010		40	8.8	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.50	7.50	8.50	6.00
198	020198	12	NGUYỄN BẢO	TÚ	Nữ	13/05/2010		40	8.5	Văn	Số 2 Phù Mỹ	Bình Dương			8.25	8.00	7.50	5.00
199	020199	12	NGUYỄN ĐÀO THÁI	UYÊN	Nữ	16/04/2010		40	8.5	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.25	5.50	6.50	6.00
200	020200	12	TRẦN THỊ THANH	XUÂN	Nữ	24/01/2010		50	9.2	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.75	7.00	8.25	6.50
201	020201	12	TRẦN NGUYỄN KIM	YẾN	Nữ	16/09/2010		40	8.4	Văn	Mỹ Thọ				7.00	4.25	5.75	6.00
202	020202	12	ĐỖ TRẦN HOÀNG	YẾN	Nữ	26/02/2010		40	9.3	Văn	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.50	7.00	8.00	5.50
203	020203	12	NGUYỄN THÁI NHƯ	Ý	Nữ	21/07/2010		60	9.0	Văn	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.75	7.25	6.25	6.75
204	020204	13	PHAN VINH	AN	Nam	11/09/2010		40	9.3	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.25	6.25	8.75	2.90
205	020205	13	NGUYỄN HOÀNG	ANH	Nam	18/08/2010		40	9.1	T.Anh	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.50	8.25	9.75	5.40
206	020206	13	LÊ HỮU TRỌNG	BÌNH	Nam	14/01/2010		40	8.4	T.Anh	Lý Tư trọng				6.75	8.00	8.75	3.50
207	020207	13	PHẠM HUY	CHUYÊN	Nam	08/11/2010		40	9.8	T.Anh	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.25	8.50	9.75	5.50

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
									ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
208	020208	13	ĐẶNG BÌNH MINH	GIANG	Nữ	28/04/2010			40	9.2	T.Anh	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.25	9.25	9.75	3.70
209	020209	13	HÀ KHÁNH	HẠ	Nữ	30/03/2010			40	9.9	T.Anh	Vô Giữ				8.25	8.25	9.50	6.40
210	020210	13	CHÂU KHÁNH	HÂN	Nữ	09/11/2010			40	9.2	T.Anh	Số 1 Phú Mỹ	Nguyễn Trung Trực			7.00	8.50	9.75	6.60
211	020211	13	NGUYỄN THỊ MINH	HÀNG	Nữ	23/04/2010			40	9.1	T.Anh	Trần Quang Diệu				7.00	6.50	8.75	4.10
212	020212	13	PHAN GIA	HỆN	Nữ	04/07/2010			40	9.0	T.Anh	Số 2 Phú Mỹ	Bình Dương			6.50	7.50	9.00	3.60
213	020213	13	LÊ KHÁNH	HOÀNG	Nam	21/03/2010			40	9.3	T.Anh	Nguyễn Du				6.00	7.75	9.50	3.30
214	020214	13	NGUYỄN PHÚC	HOÀNG	Nam	09/09/2010			40	9.4	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	7.75	9.00	4.30
215	020215	13	NGUYỄN MẠNH	HỔ	Nam	07/09/2010			40	8.8	T.Anh	Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			7.50	7.50	8.25	3.40
216	020216	13	VÕ NGUYỄN TUẤN	KHANG	Nam	18/01/2010			50	9.5	T.Anh	Số 2 Phú Mỹ	Bình Dương			6.50	6.25	9.50	7.10
217	020217	13	ĐẶNG NGỌC	KHUÊ	Nữ	09/09/2010			40	9.3	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.00	7.50	9.50	5.00
218	020218	13	VÕ THIÊN	KỶ	Nam	25/02/2010			50	9.9	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.25	9.75	9.75	8.40
219	020219	13	NGUYỄN HẢI	LAM	Nữ	29/04/2010			40	8.1	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.00	5.50	7.75	3.30
220	020220	13	LÊ DIỆU	LINH	Nữ	22/01/2010			40	9.8	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.00	8.25	9.75	7.50
221	020221	13	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	Nữ	27/12/2010			40	9.9	T.Anh	Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.00	7.75	9.75	5.30
222	020222	13	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	Nữ	01/10/2010			40	9.5	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.00	7.75	9.00	3.70
223	020223	13	NGUYỄN THÚY PHƯƠNG	LINH	Nữ	27/09/2010			40	9.6	T.Anh	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.75	6.50	9.50	7.20
224	020224	13	NGUYỄN HOÀNG	LONG	Nam	22/03/2010			40	9.7	T.Anh	Nguyễn Du				6.50	7.00	8.75	5.50
225	020225	13	ĐINH THỊ THẢO	MY	Nữ	01/06/2010			40	9.5	T.Anh	Mỹ Thọ				7.25	8.25	9.50	3.80
226	020226	13	PHẠM VÕ HÀ	MY	Nữ	28/11/2010			40	9.6	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	8.50	9.50	5.30
227	020227	13	LÊ LY	NA	Nữ	17/05/2010			40	9.8	T.Anh					7.00	5.00	9.75	4.10
228	020228	14	PHẠM LÊ HOÀI	NAM	Nam	25/09/2010			10	9.0	T.Anh	An Lương				5.00	6.50	9.50	2.10
229	020229	14	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	Nữ	23/06/2010			40	9.8	T.Anh	Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.75	5.50	9.25	3.90
230	020230	14	LÊ THỊ TRÚC	NGÂN	Nữ	14/01/2010			40	9.5	T.Anh	Số 2 Phú Mỹ	Bình Dương			7.75	8.75	9.00	2.70
231	020231	14	NGUYỄN TRẦN BẢO	NGÂN	Nữ	22/05/2010			40	9.1	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.75	6.50	9.75	5.60
232	020232	14	TRẦN BẢO	NGỌC	Nữ	10/02/2010			40	9.5	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	7.00	9.00	5.70
233	020233	14	NGUYỄN NGUYỄN YẾN	NHI	Nữ	28/01/2010			40	9.9	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.00	9.00	9.75	6.70
234	020234	14	LÊ PHẠM YẾN	NHI	Nữ	09/10/2010			40	9.4	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	7.00	9.75	3.20
235	020235	14	LÊ ĐẶNG QUỲNH	NHƯ	Nữ	22/09/2010			40	9.9	T.Anh	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.75	8.75	9.75	6.30
236	020236	14	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	Nữ	15/10/2010			40	9.9	T.Anh	Nguyễn Du				7.50	6.75	9.75	6.20
237	020237	14	ĐINH THỊ KIM	OANH	Nữ	14/06/2010			40	9.5	T.Anh	Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.25	8.50	9.75	5.60
238	020238	14	TRẦN HOÀNG	PHÁT	Nam	19/09/2010			40	9.7	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.50	8.00	8.75	7.00
239	020239	14	VÕ NGUYỄN HỒNG	PHÁT	Nữ	08/10/2010			50	9.6	T.Anh	Số 1 Phú Mỹ	Nguyễn Trung Trực			7.75	7.75	9.75	5.90
240	020240	14	DƯƠNG NHẬT	PHONG	Nam	25/04/2010			40	9.7	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.00	8.00	9.50	6.20
241	020241	14	NGUYỄN HOÀNG	PHÚ	Nam	07/08/2010			40	9.5	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.75	7.50	8.25	3.10
242	020242	14	TRẦN ĐẠI	PHƯỚC	Nam	17/06/2010			20	8.6	T.Anh	Lý Tự trọng				6.50	5.75	8.00	3.50

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
243	020243	14	ĐỖ MAI NGỌC QUANG	Nam	09/08/2010			35	9.1	T.Anh	Nguyễn Du				6.25	7.50	6.25	2.20
244	020244	14	LÊ MINH QUANG	Nam	15/07/2010			40	9.8	T.Anh	Nguyễn Du				6.75	7.25	9.50	6.20
245	020245	14	NGUYỄN THỊ KHÁNH QUYÊN	Nữ	23/08/2010			40	9.8	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.75	8.50	9.00	2.60
246	020246	14	TRẦN NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	12/04/2010			40	9.5	T.Anh	Trần Quang Diệu				7.50	8.50	9.75	3.90
247	020247	14	VÕ NGUYỄN DUY QUÝ	Nam	28/01/2010			40	9.5	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.00	6.00	9.75	6.30
248	020248	14	NGUYỄN ANH SƠN	Nam	27/06/2010			40	9.2	T.Anh	Nguyễn Bình Khiêm	Hoài Ân			8.00	8.50	9.25	5.70
249	020249	14	BÙI HUỲNH PHƯƠNG THẢO	Nữ	03/05/2010			40	9.2	T.Anh	Nguyễn Trần	Tam Quan			8.00	8.00	9.50	6.50
250	020250	14	NGUYỄN CẢNH THẮNG	Nam	01/06/2010			40	9.7	T.Anh	Nguyễn Trần	Tam Quan			8.25	9.00	9.75	7.60
251	020251	14	VÕ NGUYỄN QUỲNH THI	Nữ	11/12/2010			40	9.1	T.Anh	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.50	8.50	9.50	3.70
252	020252	15	NGUYỄN BẢO THY	Nữ	20/07/2010			40	9.0	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.50	8.50	9.00	5.20
253	020253	15	PHAN VÕ BẢO THY	Nữ	09/05/2010			40	9.5	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.00	8.25	9.75	5.70
254	020254	15	NGUYỄN MINH TIẾN	Nam	29/01/2010			40	9.5	T.Anh	Trần Quang Diệu				8.25	7.75	9.75	5.60
255	020255	15	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	Nam	06/01/2010			40	9.9	T.Anh	Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			6.50	8.75	9.50	5.90
256	020256	15	PHẠM THÙY TRANG	Nữ	05/09/2010			50	9.8	T.Anh	Trần Quang Diệu				8.25	8.50	9.50	5.60
257	020257	15	NGUYỄN CAO BẢO TRÂN	Nữ	11/11/2010			40	9.6	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.50	7.50	9.75	7.30
258	020258	15	HUỲNH LÊ BẢO TRÂN	Nữ	27/09/2010			40	9.5	T.Anh	Số 2 Phú Mỹ	Bình Dương			6.50	6.75	9.75	5.30
259	020259	15	TRƯỜNG NGỌC BẢO TRÂN	Nữ	13/10/2010			40	9.4	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	6.50	9.50	5.10
260	020260	15	TRẦN NGUYỄN BẢO TRÂN	Nữ	12/04/2010			40	8.5	T.Anh	Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.00	7.50	9.50	4.00
261	020261	15	TRÀ THỊ KIỀU TRINH	Nữ	15/03/2010			40	9.4	T.Anh	Vô Giũ				4.50	7.50	9.25	5.00
262	020262	15	VI THÀNH TRUNG	Nam	17/03/2010			40	9.5	T.Anh	Vô Giũ				6.50	6.75	9.25	3.40
263	020263	15	LŨ TRƯỞNG ANH TUẤN	Nam	28/10/2010			40	9.8	T.Anh	Nguyễn Du				7.00	7.50	9.25	5.70
264	020264	15	HỒ THỊ BÍCH TUYỀN	Nữ	10/07/2010			40	9.2	T.Anh	Trần Quang Diệu				6.25	9.00	9.00	6.20
265	020265	15	NGUYỄN NHÃ UYÊN	Nữ	29/06/2010			15	8.7	T.Anh	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.25	5.75	8.25	2.00
266	020266	15	NGUYỄN THẢO UYÊN	Nữ	09/09/2010			25	8.7	T.Anh	Nguyễn Du				7.00	7.00	8.50	5.90
267	020267	15	ĐỖ MAI NHẬT VY	Nữ	12/08/2010			50	9.9	T.Anh	An Lương				7.75	7.75	9.25	6.80
268	020268	15	HÀ TIỂU VY	Nữ	01/06/2010			40	9.5	T.Anh	An Lương				7.75	7.75	9.50	4.20
269	020269	15	TRẦN NHƯ Ý	Nữ	09/05/2010			40	9.8	T.Anh	Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			8.25	6.50	9.75	5.30
270	020270	16	NGUYỄN PHẠM KIM ANH	Nữ	14/06/2010			40	9.4	L.Sử	Tăng Bạt Hổ				7.25	7.25	5.00	1.00
271	020271	16	MAI QUỲNH CHI	Nữ	28/08/2010			25	9.2	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.50	4.25	6.50	2.25
272	020272	16	BÙI THÁI DUY	Nam	12/03/2010			40	9.6	L.Sử	Nguyễn Du				7.25	7.25	5.50	3.50
273	020273	16	ĐẶNG CƯỜNG KỲ DUYÊN	Nữ	03/09/2010			40	9.2	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	7.00	6.50	5.50
274	020274	16	LÊ ĐỖ MỸ DUYÊN	Nữ	10/09/2010			25	9.6	L.Sử	Vô Giũ				6.50	6.75	6.25	4.00
275	020275	16	NGUYỄN THỊ LỆ DUYÊN	Nữ	11/09/2010			45	9.5	L.Sử	Số 2 Phú Mỹ	Bình Dương			8.25	6.50	7.25	8.25
276	020276	16	ĐẶNG NGUYỄN HIỀN DƯƠNG	Nữ	16/05/2010			10	9.3	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	4.75	6.00	5.50
277	020277	16	NGÔ QUANG ĐẠT	Nam	02/04/2010			35	9.2	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.50	7.25	5.75	4.00

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
278	020278	16	NGUYỄN HÀ HƯƠNG	GIANG	Nữ	29/05/2010		40	9.7	L.Sử	Hoài Ân	Nguyễn Bình Khiêm			7.75	7.00	5.75	2.75
279	020279	16	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	Nữ	21/04/2010		40	9.6	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.25	7.00	6.75	3.50
280	020280	16	ĐẶNG THỊ THANH	HOÀI	Nữ	02/07/2010		40	9.6	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.50	6.50	8.00	3.75
281	020281	16	NGUYỄN ANH	HUY	Nam	31/01/2010		15	9.1	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.50	6.75	7.75	3.25
282	020282	16	TRƯƠNG NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	Nữ	04/03/2010		40	9.9	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	6.50	6.00	1.25
283	020283	16	DIỆP XUÂN	KHẢI	Nam	25/12/2010		40	9.6	L.Sử	Nguyễn Trần	Tam Quan			8.00	8.00	7.75	5.50
284	020284	16	PHAN MINH	KHOA	Nam	20/06/2010		50	9.7	L.Sử	Lý Tự trọng				8.50	7.25	6.00	6.75
285	020285	16	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	Nữ	25/08/2010		15	9.1	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	5.50	5.50	2.75
286	020286	16	GIÁP TRẦN HOÀNG	LINH	Nữ	27/06/2010		40	9.8	L.Sử	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.75	8.25	7.50	6.50
287	020287	16	NGÔ THƯỜNG HOÀI	LY	Nữ	03/03/2010		40	9.6	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.00	6.50	9.25	2.75
288	020288	16	CAO NGUYỄN TẤN	MIN	Nam	03/06/2010		45	9.8	L.Sử	Nguyễn Du				7.00	7.75	7.25	7.75
289	020289	16	LÊ BÍCH	NGA	Nữ	21/06/2010		40	9.4	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.75	7.25	8.25	6.00
290	020290	16	TRẦN BẢO THANH	NGUYỄN	Nữ	14/05/2010		40	9.8	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.00	5.75	7.00	3.00
291	020291	16	TRẦN LÊ ANH	NGUYỄN	Nam	01/08/2010		40	8.9	L.Sử	Tăng Bạt Hổ				6.50	7.50	6.50	5.00
292	020292	16	LÊ TRÍ	NGUYỄN	Nam	10/07/2010		40	9.2	L.Sử	Nguyễn Du				7.25	6.75	9.75	3.75
293	020293	16	TRẦN NGỌC YẾN	NHƯ	Nữ	28/06/2010		35	9.3	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.00	7.50	7.50	2.00
294	020294	17	LÊ QUỲNH	NHƯ	Nữ	24/10/2010		25	9.6	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			5.00	6.75	6.75	3.25
295	020295	17	HUYỀN THỊ QUỲNH	NHƯ	Nữ	16/09/2010		40	9.5	L.Sử	Nguyễn Du				7.25	8.00	4.25	6.75
296	020296	17	TRƯƠNG TIẾN	PHÁT	Nam	15/05/2010		25	9.3	L.Sử	Nguyễn Du				5.75	7.75	5.25	5.00
297	020297	17	NGUYỄN XUÂN	QUANG	Nam	02/03/2010		35	9.7	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.25	6.50	7.00	6.25
298	020298	17	NGUYỄN THỊ DIỆU	THẢO	Nữ	09/09/2010		35	9.6	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.00	6.00	5.25	5.00
299	020299	17	BÙI THỊ THANH	THẢO	Nữ	27/02/2010		65	9.6	L.Sử	Số 2 Phù Mỹ	Bình Dương			7.00	7.75	7.75	8.00
300	020300	17	LÊ VĂN HIẾU	THUẬN	Nữ	06/06/2010		40	9.2	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.50	7.00	7.25	6.50
301	020301	17	THÁI THANH	THÙY	Nữ	24/08/2010		40	9.3	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.00	6.50	8.25	5.00
302	020302	17	PHAN VÕ ANH	THƯ	Nữ	25/12/2010		50	9.8	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.00	7.00	8.25	6.25
303	020303	17	HUYỀN TRUNG	TÍN	Nam	01/01/2010		35	9.4	L.Sử	Nguyễn Du				7.25	7.00	7.25	6.50
304	020304	17	PHẠM ÁI	TRINH	Nữ	18/07/2010		40	9.5	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	7.00	7.75	8.00
305	020305	17	NGUYỄN TRỌNG	TRÍ	Nam	01/11/2010		25	8.8	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			5.75	6.25	7.00	1.75
306	020306	17	ĐÀO NGUYỄN ANH	VŨ	Nam	31/08/2010		15	9.2	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.00	6.75	7.25	5.75
307	020307	17	NGUYỄN NHƯ	VŨ	Nam	19/09/2010		40	9.6	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	7.75	5.00	5.75
308	020308	17	NGUYỄN ÁI	VY	Nữ	25/02/2010		25	9.3	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	5.75	6.75	5.00
309	020309	17	TRẦN THỊ PHƯƠNG	VY	Nữ	28/01/2010		25	9.3	L.Sử	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.50	8.50	6.50	6.50
310	020310	18	HUYỀN TRÂM	ANH	Nữ	06/11/2010		40	9.5	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.00	7.25	7.25	6.00
311	020311	18	LÊ VI	CẨM	Nữ	02/10/2010		40	9.5	Địa lí	Nguyễn Trần	Tam Quan			8.00	8.25	7.50	5.25
312	020312	18	VÕ QUỲNH	CHI	Nữ	09/08/2010		40	9.3	Địa lí	Nguyễn Du				6.50	7.50	7.25	3.00

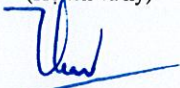
STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
313	020313	18	PHẠM NGỌC DIỆP	Nữ	18/06/2010			35	9.5	Địa lí	Nguyễn Du				7.50	6.75	6.50	3.50
314	020314	18	PHAN TẤN DU	Nam	18/07/2010			35	9.7	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.50	6.50	5.75	3.25
315	020315	18	NGUYỄN THÀNH DUY	Nam	06/06/2010			35	9.4	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	7.25	5.00	6.00
316	020316	18	NGUYỄN ĐỖ HOÀNG	Nữ	06/01/2010			30	9.6	Địa lí	Nguyễn Trần	Tam Quan			7.75	6.50	7.00	5.25
317	020317	18	PHẠM THU GIANG	Nữ	18/06/2010			35	9.3	Địa lí	Nguyễn Du				6.50	7.00	8.00	2.00
318	020318	18	LÊ THỊ MINH HẰNG	Nữ	15/05/2010			35	9.7	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	8.00	6.50	6.00
319	020319	18	LÊ HUỲNH CHÍ HIẾU	Nam	30/03/2010			40	9.8	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.75	7.00	7.25	3.50
320	020320	18	NGUYỄN MINH KHẢI	Nam	19/04/2010			40	9.1	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			5.50	5.75	8.50	8.50
321	020321	18	LÊ ĐĂNG KHOA	Nam	15/11/2010			35	9.1	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	7.00	6.25	7.25
322	020322	18	NGUYỄN MINH KHOA	Nam	10/07/2010			25	9.6	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			5.50	5.25	5.00	1.50
323	020323	18	VÕ BÍCH KHUYÊN	Nữ	19/05/2010			35	9.4	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	6.75	4.50	5.75
324	020324	18	NGUYỄN ANH KIỆT	Nam	22/05/2010			40	9.4	Địa lí	Nguyễn Du				6.00	8.25	8.75	9.00
325	020325	18	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	Nữ	08/02/2010			40	9.4	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.25	5.75	8.75	7.25
326	020326	18	HUỲNH PHẠM ÁNH MƠ	Nữ	08/02/2010			50	9.4	Địa lí	Nguyễn Du				6.75	8.50	8.75	8.25
327	020327	18	NGUYỄN PHƯỚC NAM	Nam	29/01/2010			40	9.0	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			5.75	6.75	7.00	7.00
328	020328	18	VÕ TRẦN QUỲNH	Nữ	05/07/2010			60	9.5	Địa lí	Nguyễn Du				6.25	7.75	8.25	6.75
329	020329	18	ĐẶNG BẢO NGỌC	Nữ	26/03/2010			40	9.4	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.00	7.50	9.25	8.50
330	020330	18	ĐẶNG NGỌC YẾN	Nữ	27/03/2010			40	9.3	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.25	7.00	6.75	7.50
331	020331	18	NGUYỄN THỊ HOÀNG	Nữ	16/04/2010			40	9.4	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			5.50	7.00	7.00	7.00
332	020332	18	PHAN THỊ CẨM	Nữ	26/02/2010			25	9.8	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	6.75	7.50	7.25
333	020333	18	PHAN NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	17/07/2010			35	9.2	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			5.75	7.00	7.50	6.25
334	020334	19	VÕ TRẦN DUY QUÝ	Nam	02/03/2010			35	9.5	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.50	7.25	4.50	8.00
335	020335	19	TRẦN THỊ THUẬN THẢO	Nữ	03/05/2010			40	9.7	Địa lí	Nguyễn Trần	Tam Quan			8.50	6.25	6.75	5.50
336	020336	19	PHẠM THỊ THU THÚY	Nữ	01/01/2010			40	9.5	Địa lí	Nguyễn Du				7.75	7.50	7.50	7.75
337	020337	19	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	03/11/2010			40	9.6	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	7.50	8.75	5.00
338	020338	19	NGUYỄN ĐOÀN ANH THƯ	Nữ	24/02/2010			10	8.7	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	4.25	6.25	5.00
339	020339	19	LÊ NGUYỄN THANH THƯ	Nữ	22/04/2010			40	9.5	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			8.00	7.25	4.50	7.25
340	020340	19	LÂM BẢO TRÂM	Nữ	05/04/2010			15	8.8	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			5.75	6.25	6.50	5.25
341	020341	19	HỒ NHƯ HUỲÊN TRÂM	Nữ	05/01/2010			35	8.8	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.50	8.00	7.50	5.00
342	020342	19	TRẦN THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	27/10/2010			40	9.2	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.50	6.00	7.25	2.50
343	020343	19	LÂM BẢO TRÂN	Nữ	05/04/2010			15	9.1	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.25	6.75	5.25	7.25
344	020344	19	NGUYỄN ĐÌNH TUÂN	Nam	25/05/2010			35	8.2	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	8.50	7.25	5.00
345	020345	19	TRẦN NGUYỄN THẢO UYÊN	Nữ	26/06/2010			40	9.0	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			4.75	7.00	8.00	6.50
346	020346	19	NGUYỄN NGỌC TRIỆU VY	Nữ	11/10/2010			40	9.9	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			6.75	8.50	6.75	8.00
347	020347	19	HUỲNH THỊ ÁI VY	Nữ	12/02/2010			40	9.9	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			7.25	7.00	7.00	8.75

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
348	020348	19	VÕ THỊ TƯỜNG	VY	Nữ	11/10/2010		40	9.8	Địa lí	Nguyễn Du				7.75	6.75	8.50	7.25
349	020349	19	LÊ THỊ HOÀNG	YẾN	Nữ	28/08/2010		40	8.8	Địa lí	Tăng Bạt Hổ	Phan Bội Châu			5.75	7.25	7.00	7.00

NGƯỜI IN BẢNG ĐIỂM
(Họ tên và ký)


Trần Xuân Hoàng

NGƯỜI ĐỌC SOÁT BẢN IN
(Họ tên và ký)


Phan Thanh Liêm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI


Võ Ngọc Sỹ



DUYỆT CỦA SỞ GDĐT
Ngày 11 tháng 6 năm 2025
Q. GIÁM ĐỐC


Nguyễn Đình Hùng

